

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2023

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - CAO BẰNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Kim Chi

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Ông Nông Văn Vụ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương Giang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

**- Kiểm sát viên được phân công kiểm sát việc giải quyết vụ án:** Bà Vũ Thị Anh  
**- Kiểm sát viên**

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2023, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2023/QĐXXST-HNGĐ Ngày 25 tháng 8 năm 2023 và ấn định lịch mở lại phiên tòa quy định tại Điều 2 của Quyết định hoãn phiên tòa số 20 ngày 14/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bé Thị H, sinh năm: 1983, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 09, phường S.B, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Ông Bé Ngọc T, sinh năm: 1983, vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Tổ 06, phường S.H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2023, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bé Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Bé Ngọc T kết hôn ngày 10/09/2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S.H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân có được tìm hiểu, tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc, hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2021, bà xác định mâu thuẫn vợ

chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng chung sống vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà Bé Thị H và ông Bé Ngọc T có 01 con chung họ tên là: Bé Chí C, sinh ngày 20/02/2010. Hiện nay con đang sống cùng bố, khi ly hôn yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông T trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bé Ngọc T đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện và niêm yết công khai thủ tục tố tụng tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không hợp tác nên không có lời khai trong hồ sơ và thuộc trường hợp giải quyết vắng mặt.

\*Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì thêm.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 các Điều 28, 35, 39 khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 các Điều 51, 56, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bé Thị H và ông Bé Ngọc T kết hôn ngày 10/09/2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S.H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân có được tìm hiểu, tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc, hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2021, nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà H được ly hôn ông T.

Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh và lời khai của bà H xác định, bà Hiền và ông Trinh có 01 con chung Bé Chí C, sinh ngày 20/02/2010, bà H có nguyện

vọng được nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của con Bé Chí C, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về Cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hiền không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà H xác định không có tài sản chung, vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bé Thị H có quan hệ hôn nhân với ông Bé Ngọc T, địa chỉ: Tổ 06, phường S.H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Nay bà H khởi kiện xin ly hôn với ông T, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bé Thị H kết hôn với ông Bé Ngọc T năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S.H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo quy định của pháp luật, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2021. HĐXX xét thấy việc vợ chồng bà H ông T bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân từ tháng 06/2021 đến nay thời gian cũng đã dài. Tuy nhiên, ông T cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, dẫn đến bà H xin ly hôn nên được xác định hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu của bà H là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh và lời khai của bà H xác định, bà H và ông T có 01 con chung tên Bé Chí C, sinh ngày 20/02/2010, bà H có nguyện vọng được nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của con Bé Chí C, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về Cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông T trợ cấp nuôi con chung nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà H xác định không có tài sản chung, vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 các Điều 28, 35, 39; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bé Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bé Thị H được ly hôn ông Bé Ngọc T.

Về con chung: Giao con chung Bé Chí C, sinh ngày 20/02/2010 cho bà Hiên trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

Về án phí: Bà Bé Thị H phải chịu nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0003420 ngày 07/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 29/9/2023. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- VKSND TP Cao Bằng;
- CCTHADS TP Cao Bằng;
- UBND P S.H;
- TAND tỉnh;
- L- u hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng kim Chi**

